

phải đăng ký mức vốn điều lệ mới tại cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp do các doanh nghiệp nhà nước cùng góp vốn điều lệ, thực hiện theo Luật Công ty.

3. Thủ tục thành lập doanh nghiệp do các tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội (sau đây gọi tắt là đoàn thể) đầu tư vốn được vận dụng thực hiện theo quy định của Nghị định số 50-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hồ sơ đề nghị thành lập doanh nghiệp của các tổ chức Đảng, đoàn thể ở cấp trung ương có ngành nghề kinh doanh chính thuộc Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật nào thì được gửi đến Bộ trưởng Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật đó để tổ chức thẩm định và quyết định thành lập doanh nghiệp. Hồ sơ đề nghị thành lập doanh nghiệp của các tổ chức Đảng, đoàn thể ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được gửi đến Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tổ chức thẩm định và quyết định thành lập doanh nghiệp. Việc đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp của các tổ chức Đảng, đoàn thể được vận dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư liên Bộ số 1-TT/LB ngày 13-2-1992, Thông tư liên Bộ số 4-TT/LB ngày 11-6-1992 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 388-HDBT ngày 20-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, doanh nghiệp kịp thời phản ánh để Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung những nội dung đã hướng dẫn cho phù hợp.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
TRẦN XUÂN GIÁ

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 6-TT/BNV (C13) ngày 20-6-1997 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 51-CP ngày 10-5-1997 của Chính phủ về việc đăng ký và quản lý hộ khẩu.

Ngày 10 tháng 5 năm 1997 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 51-CP về đăng ký và quản lý hộ khẩu. Bộ Nội vụ ra Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định trên như sau:

I. GIẢI THÍCH MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG TRONG NGHỊ ĐỊNH

1. Điều 1 Nghị định nêu rõ vị trí và mục đích đăng ký, quản lý hộ khẩu là biện pháp quản lý hành chính của Nhà nước nhằm xác định việc cư trú của công dân, bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường quản lý xã hội, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.

2. Bộ Nội vụ là cơ quan được Chính phủ giao phụ trách việc đăng ký, quản lý hộ khẩu.

Cơ quan công an các cấp thực hiện việc đăng ký, quản lý hộ khẩu theo phân công, phân cấp quy định tại Thông tư này.

Việc đăng ký, quản lý hộ khẩu thực hiện thống nhất trong cả nước theo Nghị định số 51-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, bao gồm:

- Đăng ký và quản lý thường trú;
- Đăng ký và quản lý tạm trú;
- Đăng ký và quản lý tạm vắng;
- Đăng ký bổ sung, điều chỉnh và đính chính những thay đổi khác về hộ khẩu, nhân khẩu;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm về đăng ký, quản lý hộ khẩu.

3. Mọi công dân Việt Nam có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký, quản lý hộ khẩu với cơ quan công an theo quy định của Nghị định số 51-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Mỗi công dân chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú một nơi cư trú nhất định là nơi thường xuyên sinh sống. Trường hợp do điều kiện công tác hoặc sinh sống thường xuyên lưu động, thì phải lấy nơi

đóng trụ sở chính của cơ quan, đơn vị, bến gốc hoặc một nơi trước đó mà người đó cư trú để đăng ký hộ khẩu thường trú.

Khi chuyển đến cư trú nơi mới, công dân phải thực hiện chế độ đăng ký, quản lý hộ khẩu theo quy định.

4. Những người sau đây chưa được chuyển hộ khẩu thường trú đi nơi khác:

- Người đang trong thời gian thi hành bản án hình sự. Đối với bản án dân sự nếu xét thấy việc di chuyển hộ khẩu của người phải thi hành bản án đó có ảnh hưởng đến việc chấp hành bản án thì không được chuyển hộ khẩu đi nơi khác;

- Người đang thi hành quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cư trú bắt buộc, chịu sự quản lý của chính quyền địa phương như: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; quản chế hành chính;

- Người đang thi hành bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấm cư trú thì không được đăng ký hộ khẩu ở khu vực bị cấm. Những khu vực cấm cư trú đó là: thành phố, thị xã, khu vực biên giới và những khu vực quan trọng khác về quốc phòng, an ninh kinh tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Những người ở chung một nhà và có quan hệ gia đình (là ông, bà, bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) và những người khác được chủ hộ đồng ý cho nhập vào hộ gia đình thì được lập một sổ hộ khẩu gia đình.

Trong mỗi hộ khẩu gia đình, phải cử một người từ đủ 18 tuổi trở lên làm chủ hộ để thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu trong hộ của mình. Trường hợp trong hộ gia đình không có người từ đủ 18 tuổi trở lên thì được cử một người lớn tuổi nhất trong hộ làm chủ hộ.

6. Đăng ký hộ khẩu thường trú theo nhân khẩu tập thể quy định tại Điều 5 của Nghị định số 51-CP là những công chức, viên chức, công nhân trong biên chế của các cơ quan nhà nước (kể cả công nhân, viên chức trong biên chế của Quốc phòng và Công an), thành viên các tổ chức kinh tế - xã hội... sống độc thân tại nhà ở tập thể thì không đăng ký hộ khẩu gia đình.

Từng nhân khẩu tập thể phải trực tiếp đăng ký hộ khẩu với công an nơi đang cư trú.

Mỗi người đăng ký nhân khẩu tập thể được cấp một giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể.

Cơ quan, tổ chức có người đăng ký nhân khẩu tập thể phải cử một người phụ trách nhà ở tập thể đó, để nhắc nhở mọi người chấp hành quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu. Khi cần thay đổi người phụ trách nhà ở tập thể cơ quan, tổ chức phải báo bằng văn bản cho cơ quan công an đăng ký hộ khẩu biết.

Những người tuy đăng ký hộ khẩu theo nhân khẩu tập thể, nhưng chỉ là danh nghĩa, hàng ngày thường xuyên về ăn ở với gia đình hoặc có nhà ở hợp pháp thì chuyển đăng ký hộ khẩu theo hộ gia đình.

7. Việc đăng ký, quản lý hộ khẩu của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cũng phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51-CP và Thông tư này.

II. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

A. ĐIỀU KIỆN VỀ NHÀ Ở HỢP PHÁP ĐỂ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ TẠI NƠI MỚI ĐẾN

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 51-CP: để được đăng ký hộ khẩu thường trú tại nơi mới đến, phải có nhà ở hợp pháp. Điều kiện này bắt buộc đối với mọi địa bàn. Nhà ở hợp pháp để làm căn cứ đăng ký hộ khẩu thường trú cần hiểu thống nhất như sau:

1. Nhà thuộc sở hữu của mình: Phải là nhà ở của bản thân người xin nhập hộ khẩu hoặc của một trong các thành viên của hộ gia đình đó, với đủ các yếu tố của quyền sở hữu là: chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Xác nhận quyền sở hữu này phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở của cơ quan có thẩm quyền của pháp luật. Trường hợp chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu thì phải có giấy thừa kế, cho tặng, mua, bán nhà ở hoặc nhà tự làm. Các trường hợp này phải có chứng nhận của Ủy ban Nhân dân phường, xã, thị trấn.

2. Nhà ở được quyền sử dụng hợp pháp (là nhà ở không có quyền chiếm hữu, định đoạt) của bản thân người xin nhập hộ khẩu hoặc một trong các thành viên của hộ gia đình đó được phân phối hoặc hợp đồng để ở. Nhà hợp đồng hoặc phân phối này phải có đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định.

09650253

3. Nhà được chủ hộ đồng ý cho ở nhà hợp pháp của mình phải là nhà thuộc một trong các trường hợp nói ở điểm 1 hoặc 2 nêu trên. Người đồng ý phải là chủ hộ gia đình hoặc chủ nhà (nếu không có hộ khẩu thường trú tại nơi đó). Sự đồng ý này phải có cam kết bằng văn bản.

Các loại nhà này, dù có đủ giấy tờ như nêu trên cũng không giải quyết đăng ký hộ khẩu thường trú vào nhà đó nếu là nhà đang tranh chấp (có đơn khiếu nại, cơ quan có thẩm quyền đang giải quyết) hoặc nhà nằm trong vùng quy hoạch đã thông báo phải di chuyển (trừ trường hợp vợ, chồng, con, bố, mẹ đến ở với nhau). Riêng các trường hợp đến ở nhà nói ở điểm 3 trên, phải bảo đảm đủ diện tích tối thiểu theo quy định của từng địa phương và đảm bảo vệ sinh môi trường.

B. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ VÀO THÀNH PHỐ, THỊ XÃ

Những người đến đăng ký hộ khẩu thường trú ở thành phố, thị xã ngoài điều kiện về nhà ở nói ở mục A nêu trên, còn phải có một trong những điều kiện quy định tại Điều 12 của Nghị định số 51-CP. Khi giải quyết cần chú ý một số điểm như sau:

1. Đối với điều kiện nói ở điểm 1 (người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động, tuyển dụng):

a) Cấp có thẩm quyền điều động, tuyển dụng công chức, viên chức, học sinh, sinh viên là Thủ trưởng Bộ, ngành (nếu Bộ, ngành ở Trung ương) hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu là cơ quan, tổ chức thuộc địa phương).

b) Riêng đối với tiêu chuẩn b (được quyết định trở lại công tác...) thì cấp có thẩm quyền điều động, tuyển dụng ngoài quy định như trên, còn có thể do Thủ trưởng cơ quan cũ trực tiếp điều động trở lại.

c) Khi đăng ký hộ khẩu cho các đối tượng quy định tại điểm 1 Điều 12, cơ quan công an chỉ căn cứ vào quyết định điều động hoặc tuyển dụng nêu trên để giải quyết đăng ký hộ khẩu, không được đòi hỏi họ hoặc cơ quan phải xuất trình giấy báo hoặc danh sách chỉ tiêu của cơ quan, tổ chức.

2. Đối với điểm 3 (ngoài quy định ở điểm 1 và 2 Điều 11) khi giải quyết cần hiểu như sau:

a) Người hết tuổi lao động: theo quy định hiện hành của Bộ Luật Lao động thì tuổi lao động của nam hết tuổi 60, nữ hết tuổi 55.

b) Những người mất khả năng lao động là những người không tự lập nuôi thân được, phải sống nhờ vào người khác.

c) Người đỡ đầu, người giám hộ nói trong Nghị định phải hiểu là người giám hộ theo quy định của Bộ Luật Dân sự, là những người được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được đỡ đầu, được giám hộ... Người được giám hộ là người chưa thành niên không còn cha mẹ, không xác định được cha mẹ hoặc cha mẹ còn nhưng đều mất năng lực hành vi dân sự.

d) Người dưới 18 tuổi nói ở tiết d điểm 3 bao gồm: Không còn bố, mẹ (có thể bố, mẹ chết; mất tích) hoặc còn nhưng đều mất năng lực hành vi dân sự hoặc do điều kiện hoàn cảnh đặc biệt không thể nuôi dưỡng con được, phải nhờ người khác nuôi hộ.

Tiết d điểm 3 không nói đến con từ đủ 18 tuổi trở xuống đi theo bố, mẹ. Nhưng theo Bộ Luật Dân sự, mặc nhiên con từ đủ 18 tuổi trở xuống phải ở với cha, mẹ (trừ khi cha, mẹ đồng ý cho con ở với người khác) và không kể có bao nhiêu con. Trường hợp con trên 18 tuổi, nếu chưa tự lập được phải sống phụ thuộc vào bố, mẹ thì cũng được giải quyết đăng ký hộ khẩu theo bố, mẹ.

d) Cấp có thẩm quyền cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài hồi hương về thành phố, thị xã nói tại điểm e là cơ quan xuất nhập cảnh Bộ Nội vụ.

e) Quê gốc nói ở tiết g: Là nơi quê quán gốc gác của người đó ở từ nhiều đời trước. Nếu người đó trở về xin đăng ký hộ khẩu thường trú, phải xuất trình giấy tờ chứng minh nơi đó là quê quán gốc gác của họ, nay trở về. Nếu có những người đi theo như: bố, mẹ, vợ, chồng, con, ông, bà hoặc những người mà người đó đang phải nuôi dưỡng cùng đăng ký chung một sổ hộ khẩu cũng được giải quyết.

3. Những trường hợp đặc biệt khác nói ở điểm 4 Điều 12 là những trường hợp do yêu cầu chính trị, yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cần đến những người có trình độ chuyên môn cao, nhân sĩ trí thức nổi tiếng, những người trong diện chính sách và những trường hợp công dân có hoàn cảnh cá biệt khác cần phải về thành phố, thị xã.

C. ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐI, ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐẾN

Việc đăng ký chuyển đi, đăng ký chuyển đến nói ở Điều 10 Nghị định thực hiện như sau:

1. Đăng ký chuyển đi.

Khi chuyển cư trú đi nơi khác (tức chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú) kể cả chuyển cả hộ hoặc một người.

a) Các trường hợp chuyển đi sau đây, chủ hộ hoặc người chuyển đi phải đến trình báo tại công an nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

a.1) Chuyển đi trong phạm vi xã, thị trấn, phường hoặc ngoài phạm vi phường nhưng trong cùng quận, nội thị xã, nội thành phố thuộc tỉnh;

a.2) Chuyển đi ngoài phạm vi xã, thị trấn (trừ xã, thị trấn của huyện thuộc thành phố trực thuộc Trung ương);

a.3) Chuyển đi ngoài quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (kể cả trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Thủ tục trình báo gồm:

- Xuất trình giấy chứng minh nhân dân của người đến trình báo;

- Khai "phiếu báo thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu";

- Xuất trình sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể;

- Xuất trình các giấy tờ khác liên quan đến việc chuyển đi.

b) Cơ quan công an căn cứ vào các giấy tờ trên tiến hành giải quyết như sau:

- Đối với trường hợp thứ nhất (a.1) không phải cấp giấy chứng nhận chuyển đi, chỉ điều chỉnh trong sổ hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể ở mục thay đổi chỗ ở.

- Hai trường hợp còn lại, phải cấp giấy chứng nhận chuyển đi cho đương sự và thu sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể lưu vào tàng thư hộ khẩu.

c) Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận chuyển đi:

- Đối tượng chuyển đi nói ở điểm a.2 giấy chứng nhận chuyển đi do Trưởng Công an xã, thị trấn cấp; đối tượng nói ở điểm a.3 giấy chứng nhận chuyển đi do Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp.

- Thời gian tối đa để giải quyết việc này kể từ khi nhận đủ thủ tục hợp lệ là 3 ngày.

2. Đăng ký chuyển đến: là đăng ký thường trú cho các trường hợp ở nơi khác đến.

a) Đối với người chuyển đến.

Người chuyển đến trong thời hạn không quá 7 ngày (nếu ở thành phố, thị xã) và không quá 10 ngày (nếu ở nông thôn), chủ hộ hoặc người mới chuyển đến phải đến công an xã, thị trấn (nếu ở nông thôn) hoặc công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (nếu ở thành phố, thị xã) nơi chuyển đến để làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú. Người đến làm thủ tục phải có các giấy tờ sau:

- Chứng minh nhân dân của bản thân. Nếu là quân nhân xuất trình chứng minh thư quân đội, nếu là công an xuất trình giấy chứng nhận công an nhân dân;

- Khai "phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu";

- "Giấy chứng nhận chuyển đi" của công an nơi thường trú cũ cấp (trừ những người là lực lượng vũ trang sống trong doanh trại, người Việt Nam ở nước ngoài về, người đi tù, đi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh về, thì phải có giấy khác thay thế theo hướng dẫn của Thông tư này);

- Giấy tờ để chứng minh nhà ở hợp pháp: Tùy từng trường hợp nhà ở, để xuất trình giấy tờ nhà như quy định tại mục A nêu trên;

- Các giấy tờ khác liên quan trực tiếp đến trường hợp cụ thể cần có như:

+ Giấy kết hôn (nếu vợ, chồng về ở với nhau). Trường hợp không có giấy kết hôn có thể xuất trình giấy khai sinh của con hoặc các giấy tờ khác để chứng minh cho mối quan hệ vợ chồng.

+ Giấy khai sinh (nếu đăng ký hộ khẩu trẻ em mới sinh).

+ Hộ chiếu có dấu kiểm chứng của công an cửa khẩu (đối với người Việt Nam đi công tác, học tập, lao động ở nước ngoài về).

+ Quyết định điều động, tuyển dụng, phục viên, xuất ngũ, nghỉ hưu, thôi việc.

+ Giấy giới thiệu của cấp có thẩm quyền của quân đội, công an (quy định tại điểm 4 mục B phần III dưới đây) và xuất trình chứng minh thư quân đội hoặc công an (đối với người trong công an, quân đội xin đăng ký hộ khẩu gia đình).

+ Giấy của cơ quan xuất nhập cảnh (tùy theo từng trường hợp cụ thể để xuất trình như: giấy chứng nhận hồi hương hoặc giấy chứng nhận về nước hoặc giấy giới thiệu).

+ Giấy ra trại (đối với người đi tù về), giấy ra trường (đối với những trường hợp đi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh về).

+ Sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu tập thể, chứng minh nhân dân (nếu đã được cấp).

b) Cán bộ làm công tác đăng ký hộ khẩu tiếp nhận hồ sơ phải kiểm tra, nếu thấy việc xin đăng ký hộ khẩu của công dân đã đủ thủ tục theo quy định thì nhận hồ sơ, viết biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; nếu hồ sơ còn thiếu thì hướng dẫn cho họ bổ sung và chỉ nhận hồ sơ đăng ký hộ khẩu sau khi đã đủ thủ tục.

Sau khi nhận hồ sơ phải đề xuất hoàn thành thủ tục đăng ký cấp sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể để trả cho đương sự.

Thời gian giải quyết trả lời kết quả cho dân tối đa là 10 ngày (đối với địa bàn nông thôn) và 20 ngày đối với những người xin đến thành phố, thị xã.

c) Những hộ, những người khi đăng ký hộ khẩu thường trú được cấp sổ hoặc giấy chứng nhận hộ khẩu phải trả một khoản lệ phí theo quy định.

D. VỀ VIỆC LẬP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC LOẠI SỔ HỘ KHẨU VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU

1. Mẫu Sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận hộ khẩu do Bộ Nội vụ phát hành thống nhất trong cả nước, bao gồm các loại chính như sau:

- Sổ hộ khẩu gốc (sổ đăng ký hộ khẩu) lưu ở cơ quan công an đăng ký quản lý hộ khẩu;
- Sổ hộ khẩu gia đình, cấp cho từng hộ gia đình;
- Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể, cấp cho từng nhân khẩu tập thể;
- Giấy và sổ đăng ký tạm trú có thời hạn, cấp cho từng hộ hoặc nhân khẩu tạm trú có thời hạn.

2. Sổ hộ khẩu gốc: Sổ hộ khẩu gốc do cơ quan công an trực tiếp đăng ký hộ khẩu lập, lưu giữ; Sổ hộ khẩu gốc được lập theo khu vực dân cư của đơn vị hành chính phường, xã, thôn, xóm, bản, đường phố, tổ dân phố hoặc theo nhà ở tập thể của các cơ quan, tổ chức...

Ở nông thôn (trừ các xã, thị trấn của các thành phố trực thuộc Trung ương) do Trưởng Công an xã, thị trấn lập và lưu giữ để đăng ký và theo dõi, quản lý, điều chỉnh biến động về hộ khẩu, nhân khẩu.

Ở thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thuộc tỉnh, thị xã do Trưởng Công an cấp huyện lập, lưu giữ để đăng ký, theo dõi, quản lý và điều chỉnh những biến động về nhân khẩu, hộ khẩu.

Sổ hộ khẩu gốc là tài liệu có giá trị pháp lý, làm cơ sở để xác nhận việc cư trú của công dân, là căn cứ để điều chỉnh sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể và một số việc khác.

Các nhà ở tập thể của cơ quan, tổ chức ngoài sổ hộ khẩu gốc lưu ở cơ quan công an, được sao một sổ hộ khẩu để người phụ trách nhà ở tập thể theo dõi, đối chiếu với giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể của từng người trong nhà ở tập thể của mình. Sổ này không có giá trị về mặt pháp lý thay thế sổ hộ khẩu gốc ở cơ quan công an.

3. Sổ hộ khẩu gia đình:

Nguyên tắc của cấp sổ hộ khẩu gia đình:

- Sổ hộ khẩu gia đình được cấp cho từng hộ gia đình đã đăng ký hộ khẩu thường trú ở tất cả các địa bàn trong cả nước.

- Mỗi hộ gia đình có thể có một người hoặc nhiều người. Trong một nhà ở có thể đăng ký thành nhiều hộ khẩu gia đình, nếu có kinh tế biệt lập.

- Vợ chồng đã ly hôn nếu ở chung một nhà, thì được đăng ký hộ khẩu gia đình riêng.

Trưởng công an nơi trực tiếp đăng ký hộ khẩu thường trú ký sổ hộ khẩu gia đình: Ở nông thôn (trừ xã, thị trấn ở các thành phố trực thuộc Trung ương) do Trưởng Công an xã, thị trấn ký sổ; ở thành phố, thị xã do Trưởng Công an quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ký sổ. Riêng các huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương do Trưởng Công an huyện ký sổ.

Người được cấp sổ hộ khẩu gia đình phải có trách nhiệm bảo quản, không sử dụng sổ để thế chấp, cho mượn... Phải xuất trình khi có yêu cầu của cán bộ công an có thẩm quyền kiểm tra hộ khẩu.

Sổ có giá trị pháp lý khi quan hệ giao dịch các công việc có liên quan đến yêu cầu cần có sổ. Khi có thay đổi hoặc sổ hư hỏng, mất... phải trình báo ngay với cơ quan đăng ký hộ khẩu.

4. Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể:

Nguyên tắc của đăng ký cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể như quy định tại điểm 6 phần I Thông tư này.

Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể do Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ký.

Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể có giá trị pháp lý khi quan hệ giao dịch có liên quan đến yêu cầu cần thiết. Khi có thay đổi hoặc sổ hư hỏng, mất... phải trình báo ngay với cơ quan đăng ký hộ khẩu.

5. Các mục ghi trong sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận hộ khẩu phải ghi đầy đủ, rõ ràng, không viết tắt, tẩy xóa. Nếu có ghi sai chữa lại phải được đóng dấu lên chỗ tẩy xóa.

Được cấp lại sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể: khi bị hư hỏng, mất. Sổ hoặc giấy cấp lại phải ghi rõ cấp lại lần thứ mấy... ngoài bìa sổ; mỗi lần cấp lại phải nộp một khoản lệ phí theo quy định.

III. ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ HỘ KHẨU ĐỐI VỚI QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, công nhân viên chức của quân đội nhân dân và công an nhân dân ở trong doanh trại hoặc nhà ở tập thể của quân đội, công an thì đăng ký quản lý hộ khẩu theo quy định riêng của Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ. Thông tư này chỉ hướng dẫn việc đăng ký, quản lý hộ khẩu thường trú cho các đối tượng là quân đội nhân dân và công an nhân dân hàng ngày về ăn ở với gia đình hoặc có nhà ở hợp pháp được cơ quan có thẩm quyền của quân đội, công an cho phép đăng ký hộ khẩu gia đình riêng.

A. VỀ ĐỐI TƯỢNG LÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN ĐĂNG KÝ HỘ KHẨU GIA ĐÌNH QUY ĐỊNH TRONG NGHỊ ĐỊNH SỐ 51-CP VÀ THÔNG TƯ NÀY

1. Đối với quân đội nhân dân bao gồm:

- Sĩ quan;
- Quân nhân chuyên nghiệp;
- Công nhân viên quốc phòng trong biên chế.

Ba đối tượng trên gọi tắt là quân nhân.

2. Đối với công an nhân dân bao gồm:

- Sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan chuyên môn kỹ thuật;

- Hạ sĩ quan nghiệp vụ và hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật;

- Công nhân viên công an trong biên chế.

Ba đối tượng trên gọi tắt là công an nhân dân.

B. THỦ TỤC VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ ĐĂNG KÝ HỘ KHẨU GIA ĐÌNH

1. Đăng ký hộ khẩu gia đình ở các địa bàn không thuộc thành phố, thị xã:

Những quân nhân, công an nhân dân đang phục vụ tại ngũ, đang công tác tại các xã, thị trấn, huyện, hàng ngày được cơ quan, đơn vị cho về ăn ở với gia đình hoặc có nhà ở hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 51-CP và hướng dẫn tại mục A phần II của Thông tư này thì được đăng ký hộ khẩu theo hộ gia đình.

2. Nếu đăng ký hộ khẩu gia đình ở các thành phố, thị xã (theo quy định tại điểm 2 Điều 12 Nghị định số 51-CP) phải là những quân nhân, công an nhân dân đang công tác ổn định tại các cơ quan, đơn vị của quân đội và công an đóng trên địa bàn thành phố, thị xã được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền (nêu ở điểm 4 dưới đây) cho về ăn ở với gia đình hoặc có nhà ở hợp pháp (theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 51-CP và mục A phần II Thông tư này), ngoài điều kiện trên còn phải có một trong các điều kiện quy định sau đây:

a) Người xin đăng ký hộ khẩu gia đình là người trong biên chế quân đội, công an hiện đang công tác ổn định tại địa bàn thành phố, thị xã, hàng ngày ngoài giờ làm việc, được về ăn ở thường xuyên với bố, mẹ, vợ, chồng, con đang là nhân khẩu thường trú ở thành phố, thị xã. Riêng đăng ký hộ khẩu ở khu vực giáp ranh thực hiện như cán bộ, nhân viên khác quy định tại tiết a điểm 3 Điều 12 Nghị định số 51-CP.

b) Nữ quân nhân và công an nhân dân trong biên chế của quân đội, công an đã thành lập gia đình hoặc có con.

c) Những quân nhân và công an nhân dân trong biên chế của quân đội, công an đang công tác liên tục và hiện đang ở tại địa bàn thành phố, thị xã từ 3 năm trở lên.

d) Những quân nhân, công an nhân dân trong biên chế đang công tác tại cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thành phố, thị xã được cơ quan có thẩm quyền cho nghỉ hưu.

3. Thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú theo hộ khẩu gia đình, người xin đăng ký phải:

- Xuất trình chứng minh thư quân đội hoặc giấy chứng nhận công an;
- Khai "phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu";
- Khai "bản khai nhân khẩu";
- Giấy giới thiệu do cấp có thẩm quyền cấp theo quy định tại điểm 4 dưới đây:
- Xuất trình giấy tờ về nhà ở hợp pháp.

Cơ quan công an sau khi nhận đủ hồ sơ làm thủ tục đăng ký cấp sổ như đã nêu ở điểm 2 mục C phần II Thông tư này.

4. Thẩm quyền cấp giấy giới thiệu cho quân nhân và công an nhân dân đăng ký hộ khẩu theo hộ gia đình quy định như sau:

- Cục trưởng, Hiệu trưởng hoặc cấp tương đương (nếu cấp cho người thuộc biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ).
- Thủ trưởng các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ Tư lệnh.
- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Giám đốc học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, trung học.
- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Người cấp giấy giới thiệu đăng ký hộ khẩu phải chịu trách nhiệm cấp đúng người có đủ điều kiện đăng ký hộ khẩu gia đình, là người trong biên chế của cơ quan, đơn vị như quy định trong Điều 6 và điểm 2 Điều 12 của Nghị định số 51-CP và hướng dẫn tại phần III Thông tư này.

5. Quân nhân và công an nhân dân khi ra ngoài doanh trại hoặc nơi thường trú nếu ở lại qua đêm phải thực hiện việc đăng ký trình báo tạm trú theo quy định.

Người không thuộc biên chế của công an và quân đội mà cư trú trong doanh trại, nhà ở tập thể của quân đội và công an phải đăng ký hộ khẩu với công an địa phương theo quy định chung.

IV. ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ TẠM TRÚ, TẠM VẮNG

A. ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ TẠM TRÚ

Theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Nghị định có hai dạng đăng ký tạm trú: đăng ký tạm trú và đăng ký tạm trú có thời hạn.

1. Đăng ký tạm trú:

a) Đối tượng phải đăng ký tạm trú là những người bắt đầu tuổi 15 trở lên (kể cả quân nhân và công an nhân dân khi ra ngoài doanh trại) ở lại qua đêm ngoài phạm vi phường, xã, thị trấn nơi thường trú của mình với bất kỳ lý do gì đều phải trình báo tạm trú với công an phường, xã, thị trấn hoặc đồn công an nơi đến.

Trường hợp cha, mẹ, vợ, chồng, con thường đến tạm trú ở nhà nhau thì khai báo lần đầu trong năm.

b) Khi có người đến tạm trú thì chủ hộ gia đình, Giám đốc khách sạn hoặc người phụ trách nhà trọ, nhà khách, nhà ở tập thể trực tiếp hoặc cử người đến trình báo tạm trú tại các điểm đăng ký tạm trú, tạm vắng của công an phường, xã, thị trấn hoặc đồn công an sở tại trước 23 giờ. Nếu khách đến sau 23 giờ thì trình báo vào sáng hôm sau trước lúc khách đi.

Thủ tục trình báo gồm:

- Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác của người tạm trú,
- Khai "Phiếu tạm trú, tạm vắng".

Cán bộ trực tại điểm đăng ký tạm trú, tạm vắng phải kiểm tra đối chiếu giữa nội dung ghi trong phiếu đăng ký tạm trú, tạm vắng với giấy tờ của khách, sau đó ký xác nhận vào phần phiếu cấp cho người trình báo.

2. Đăng ký, quản lý tạm trú có thời hạn.

a) Đối tượng và thẩm quyền cấp giấy (hoặc sổ) đăng ký tạm trú có thời hạn (sau đây gọi tắt là giấy) quy định tại Điều 15 Nghị định bao gồm:

- Người thực tế cư trú tại địa phương nhưng chưa đủ điều kiện để đăng ký hộ khẩu thường trú. Những người này không kể đã ở thời gian dài hay ngắn, nhưng không phải là người tạm trú có tính chất vắng lai nói ở điểm 1 trên. Họ có nhu cầu đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng chưa đủ điều kiện hoặc thủ tục thì được cấp giấy thời hạn

là 12 tháng, do Trưởng Công an phường, xã, thị trấn cấp.

- Người nơi khác đến học tập, làm việc, lao động tự do:

+ Học sinh, sinh viên đến học tại các trường (bao gồm phổ thông, đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề quốc lập và dân lập), thì do Trưởng Công an cấp huyện nơi họ đến tạm trú cấp theo thời hạn học tập.

+ Người đến học nghề tại các cơ sở tư nhân, hợp tác xã, người đến lao động tự do (làm thuê) thì do Trưởng Công an phường, xã, thị trấn nơi họ tạm trú cấp giấy, tối đa không quá 6 tháng.

- Người được tuyển vào làm việc theo hợp đồng lao động tại các cơ quan, tổ chức nhà nước, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; người làm Văn phòng đại diện hoặc chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam do Trưởng Công an cấp huyện nơi họ tạm trú cấp giấy theo thời hạn hợp đồng nhưng tối đa không quá 12 tháng.

b) Những người tạm trú nêu trên phải làm thủ tục đăng ký tạm trú có thời hạn, từng người được cấp giấy tạm trú có thời hạn.

Các giấy tờ để làm thủ tục đăng ký cấp giấy tạm trú có thời hạn như sau:

- "Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu";
- Khai "bản khai nhân khẩu";
- Xuất trình giấy chứng minh nhân dân.

Ngoài các loại giấy trên, tùy từng trường hợp cụ thể cần có thêm:

- Đối với học sinh, sinh viên xuất trình giấy gọi nhập học và xác nhận của công an nơi thường trú cũ xác nhận vào "phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu" là người của địa phương đi học (không cấp giấy chứng nhận chuyển đi).

- Hợp đồng lao động (đối với người lao động có hợp đồng).

- Chứng nhận của chính quyền địa phương nơi người đó thường trú xác nhận là người của địa phương hoặc giấy báo tạm vắng để đi làm ăn sinh sống.

Các loại giấy tờ trên đương sự hoặc người đại diện cơ quan, tổ chức, cơ sở sử dụng lao động hoặc cơ sở cho chứa trọ trực tiếp mang đến cơ quan công an nơi có thẩm quyền để xem xét cấp giấy tạm trú có thời hạn.

c) Những vấn đề cần chú ý:

Các đối tượng được cấp giấy nêu trên nếu giấy hết hạn, người tạm trú còn tiếp tục ở lại thì phải đến công an nơi cấp giấy xin gia hạn hoặc cấp lại giấy khác. Quá trình sử dụng nếu thay đổi nơi tạm trú, mục đích tạm trú, giấy mất, hư hỏng... thì đương sự phải trình báo và làm thủ tục xin cấp lại.

- Giấy tạm trú có thời hạn không thay thế sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể, mà chỉ xác nhận việc tạm trú hợp pháp của công dân, tạo điều kiện cho công dân làm ăn sinh sống.

- Người được cấp giấy (hoặc sổ) tạm trú có thời hạn phải nộp một khoản lệ phí theo quy định.

Những vấn đề cụ thể khác về đăng ký, quản lý người tạm trú có thời hạn do Tổng Cục trưởng Tổng cục Cảnh sát nhân dân hướng dẫn chi tiết.

B. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ TẠM VẮNG

Việc đăng ký, quản lý tạm vắng theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 51-CP thực hiện như sau:

a) Những người từ 15 tuổi trở lên có việc riêng đi vắng qua đêm khỏi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì phải khai báo tạm vắng.

b) Người khai báo tạm vắng phải đến các điểm đăng ký tạm trú, tạm vắng của công an phường, xã, thị trấn khai vào "phiếu tạm trú, tạm vắng" trong phiếu khai rõ thời gian, lý do tạm vắng và địa điểm đến tạm trú.

c) Người đi vắng khỏi nơi thường trú quá 6 tháng mà không khai tạm vắng không có lý do chính đáng thì cơ quan công an nơi đăng ký hộ khẩu xem xét từng trường hợp cụ thể, nếu xóa tên thì phải lập biên bản và báo cho chủ hộ gia đình hoặc người phụ trách nhà ở tập thể biết, khi người đó trở về phải làm đơn trình bày nói rõ lý do đi vắng và xin đăng ký hộ khẩu trở lại. Căn cứ trình bày của đương sự và các giấy tờ, xác nhận có liên quan, cơ quan đăng ký hộ khẩu xem xét giải quyết.

d) Người có hộ khẩu thường trú nhưng thực tế không cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú mà không có lý do chính đáng hoặc không thể ở nơi đó được thì cơ quan đăng ký hộ khẩu yêu cầu họ trình bày lý do. Trường hợp phải xóa tên thì lập biên bản xóa theo đúng thủ tục.

**V. VỀ LẬP BẢN KHAI NHÂN KHẨU;
ĐĂNG KÝ BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC VỀ NHÂN KHẨU
HỘ KHẨU; KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM
VỀ ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ HỘ KHẨU**

A. VỀ LẬP BẢN KHAI NHÂN KHẨU

1. Điều 7 Nghị định quy định công dân từ 15 tuổi trở lên phải làm bản tự khai nhân khẩu chính xác, đầy đủ theo mẫu thống nhất của Bộ Nội vụ. Bản khai nhân khẩu là tự thuật của công dân về lý lịch bản thân và là một trong những cơ sở để làm thủ tục đăng ký hộ khẩu.

Những người không biết chữ hoặc không tự viết được thì được nhờ người khác viết hộ bản khai nhân khẩu theo lời khai của mình. Người viết hộ phải ghi trung thành với lời khai của người nhờ viết hộ và ký tên ghi rõ họ, tên.

Bản khai nhân khẩu mỗi người bắt đầu tuổi 15 trở lên chỉ phải khai một lần (nếu không thuộc một trong các trường hợp nói ở điểm 2 dưới đây). Khi có thay đổi những nội dung trong bản khai phải khai bổ sung bằng "phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu" với cơ quan đăng ký, quản lý hộ khẩu.

2. Những người sau đây khi đến đăng ký hộ khẩu phải khai bản khai nhân khẩu:

- + Người từ tỉnh, thành phố khác chuyển đến;
- + Người ở nước ngoài về;
- + Những người đi tù, đi trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục trở về;
- + Quân đội, công an ra đăng ký hộ khẩu gia đình.

**B. ĐĂNG KÝ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC VỀ NHÂN KHẨU,
HỘ KHẨU**

Điều 9 của Nghị định quy định việc đăng ký, bổ sung, điều chỉnh những thay đổi về nhân khẩu, hộ khẩu, thực hiện như sau:

1. Khi có những thay đổi sau đây:

- Có người chết, mất tích (theo Bộ Luật Dân sự biệt tích đã 6 tháng liền).
- Có người đi nghĩa vụ quân sự (kể cả quân đội và công an).

- Có người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép xuất cảnh từ 12 tháng trở lên (kể cả đi công tác, học tập, lao động hoặc định cư ở nước ngoài).

- Có người bị thi hành án phạt tù trong các trại cải tạo, tập trung giáo dục chữa bệnh, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục.

Chậm nhất không quá 7 ngày (trừ mất tích) kể từ ngày có thay đổi nói trên thì người có thay đổi hoặc chủ hộ, người phụ trách nhà ở tập thể phải đến báo cho cơ quan công an nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của mình biết để điều chỉnh sự thay đổi đó và xóa tên người có thay đổi trong sổ hộ khẩu gốc, sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể.

Thủ tục trình báo gồm:

- Xuất trình chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể và những giấy tờ khác liên quan đến việc thay đổi.

- Khai "phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu".

Công an nơi đăng ký hộ khẩu thường trú căn cứ vào các giấy tờ đó điều chỉnh trong sổ hộ khẩu và thu giữ chứng minh nhân dân (trừ người ra nhập công an nhân dân và quân đội nhân dân). Thời gian giải quyết trả cho dân tối đa không quá 3 ngày.

2. Trường hợp một hộ tách thành nhiều hộ hoặc nhiều hộ hợp thành một hộ thì chủ hộ hoặc người trong hộ phải đến cơ quan công an nơi đăng ký hộ khẩu làm thủ tục xin thay đổi gồm:

- Xuất trình chứng minh nhân dân hoặc chứng minh thư quân đội, công an; sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể;

- Khai "Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu";

- Nếu tách hộ xuất trình giấy tờ liên quan đến tách hộ như: giấy chứng nhận nhà ở hợp pháp, giấy ly hôn...

Cơ quan công an căn cứ các giấy tờ trên giải quyết và trả kết quả cho dân tối đa 10 ngày.

3. Khi có thay đổi như: cải chính họ, tên, chữ đệm hoặc ngày, tháng, năm sinh thì chủ hộ hoặc người có thay đổi phải đến cơ quan đăng ký hộ khẩu xin đính chính. Thủ tục đính chính gồm:

- Xuất trình chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể.

- Xuất trình quyết định được phép thay đổi của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố.

- Khai "phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu".

Cơ quan công an căn cứ các giấy tờ trên để đình chính những thay đổi cho đương sự. Thời gian giải quyết việc này tối đa 7 ngày.

C. KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ HỘ KHẨU

1. Thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu và xử lý vi phạm.

a) Bộ trưởng Bộ Nội vụ:

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đăng ký, quản lý hộ khẩu ở các Bộ, ngành và các địa phương.

- Đình chỉ hoặc kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ ra quyết định bãi bỏ những quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương trái với Nghị định số 51-CP và Thông tư này.

b) Tổng Cục trưởng Tổng Cục cảnh sát nhân dân:

Thừa ủy quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cơ quan, tổ chức, địa phương, công an các cấp và công dân trong công tác đăng ký, quản lý hộ khẩu. Các trường hợp làm sai được đình chỉ hoặc báo cáo Bộ trưởng quyết định.

Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội giúp Tổng Cục trưởng Tổng cục Cảnh sát nhân dân:

- Có kế hoạch và trực tiếp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu của các cơ quan, tổ chức, địa phương, công an các cấp và công dân;

- Đình chỉ, yêu cầu bãi bỏ hoặc báo cáo Tổng Cục trưởng khi cơ quan, tổ chức, địa phương, công dân vi phạm những quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu.

- Giải quyết các trường hợp khiếu nại, tố cáo của công dân và xử phạt các trường hợp vi phạm về đăng ký, quản lý hộ khẩu theo quy định của pháp luật.

c) Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đăng ký, quản lý hộ khẩu ở địa phương; đình chỉ, hủy bỏ, báo cáo lên Bộ các trường hợp làm trái các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu của các cơ quan, tổ chức, công dân đóng trên địa phương mình; giải quyết các

trường hợp khiếu nại, tố cáo và xử phạt các trường hợp vi phạm về đăng ký, quản lý hộ khẩu theo quy định.

Trưởng phòng PC13 giúp Giám đốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu ở địa phương mình; đình chỉ hoặc kiến nghị lên Giám đốc những trường hợp cơ quan, tổ chức, công dân ở địa phương mình vi phạm những quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử phạt các trường hợp vi phạm về đăng ký, quản lý hộ khẩu theo quy định của pháp luật.

d) Trưởng Công an cấp quận, huyện:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu của cơ quan, tổ chức, công dân trong địa phương mình;

- Đình chỉ hoặc kiến nghị lên Giám đốc Công an quyết định những trường hợp vi phạm về đăng ký, quản lý hộ khẩu;

- Thu sổ hộ khẩu hoặc các giấy chứng nhận về hộ khẩu và xóa tên đối với các trường hợp vi phạm theo quy định;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

đ) Trưởng Công an phường, xã, thị trấn, cảnh sát khu vực, cảnh sát phụ trách xã, công an xã, cán bộ chuyên trách công tác đăng ký hộ khẩu được:

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về đăng ký hộ khẩu các hộ gia đình, các nhà ở tập thể, các khách sạn, nhà trọ, nhà khách, nhà cho thuê trong khu vực mình phụ trách;

- Được xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lĩnh vực này đối với các trường hợp vi phạm trong địa bàn phụ trách và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định;

- Trưởng, Phó ban Bảo vệ dân phố, Bảo vệ cơ quan, xí nghiệp đã được công an phường giới thiệu thành phần, chức danh với nhân dân khi cần cũng được kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định trong các hộ gia đình, nhà ở tập thể trong phạm vi quản lý của mình, nhưng có cảnh sát khu vực hoặc cảnh sát phụ trách xã cùng đi.

- Cán bộ công an cấp trên nếu cần đi kiểm tra hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng phải có công an cơ sở cùng đi.

Ngoài những người được quyền kiểm tra hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng quy định như trên, không ai có quyền vào kiểm tra hộ khẩu tại nơi ở của công dân.

2. Nội dung và hình thức kiểm tra:

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, nhà ở tập thể, các cơ sở chứa trọ, công dân...

- Kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục trong đăng ký, quản lý hộ khẩu, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý của công an các cấp.

- Việc kiểm tra hộ khẩu có thể tiến hành theo định kỳ hoặc đột xuất do yêu cầu giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội hoặc các yêu cầu khác.

- Riêng về giờ kiểm tra hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng, tùy tình hình thực tế ở địa phương và yêu cầu nhiệm vụ để quy định giờ kiểm tra hộ khẩu, kiểm tra tạm trú cho phù hợp tránh gây phiền hà cho dân.

3. Việc xử lý vi phạm:

Khi cơ quan, tổ chức, công dân vi phạm các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu, tùy từng mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự theo pháp luật.

VI. PHÂN CÔNG TRONG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ HỘ KHẨU

1. Bộ Nội vụ:

- Là cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu thống nhất trong toàn quốc.

- Phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng những chủ trương chính sách liên quan đến công tác này.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giải quyết, xử lý các trường hợp khiếu nại, tố cáo của cơ quan, tổ chức và công dân theo quy định.

- Giải quyết các trường hợp ngoại lệ xin đăng ký hộ khẩu vào thành phố, thị xã khi công an các tỉnh, thành phố báo cáo.

- Đề xuất lên Chính phủ đề ra những chủ trương, chính sách về đăng ký, quản lý hộ khẩu và có liên quan đến công tác đăng ký, quản lý hộ khẩu.

2. Công an địa phương:

a) Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Chịu trách nhiệm trước Bộ Nội vụ và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu trọng địa phương mình:

+ Có kế hoạch triển khai thực hiện các quy định và hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Nội vụ về đăng ký, quản lý hộ khẩu.

+ Phối hợp với các Ban, ngành ở địa phương, tổ chức tuyên truyền phổ biến thực hiện công tác này và các công tác liên quan đến đăng ký, quản lý hộ khẩu.

- Xác minh báo cáo đề xuất lên Bộ Nội vụ các trường hợp đặc biệt khác (nếu có) xin chuyển đến đăng ký hộ khẩu thường trú ở thành phố, thị xã như quy định tại điểm 3 mục B phần II Thông tư này và những vướng mắc trong quá trình thực hiện đăng ký, quản lý hộ khẩu.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân hoặc của cơ quan, tổ chức theo quy định.

- Tổng hợp số liệu, tình hình về nhân khẩu, hộ khẩu báo cáo lên Bộ theo quy định.

b) Trưởng Công an cấp quận, huyện:

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu ở địa phương bao gồm:

- Đăng ký, lập và quản lý các loại sổ và giấy chứng nhận hộ khẩu cho những nhân khẩu, hộ khẩu ở địa phương mình.

- Trưởng Công an quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và công an huyện của các thành phố trực thuộc Trung ương, trực tiếp xét duyệt cho đăng ký hộ khẩu thường trú đối với các trường hợp xin chuyển đến thành phố, thị xã thuộc các tiêu chuẩn quy định tại Điều 12 Nghị định số 51-CP và hướng dẫn tại điểm 2 mục B phần III Thông tư này. Hàng tháng phải báo cáo danh sách các trường hợp được đăng ký hộ khẩu ở thành phố, thị xã lên công an tỉnh, thành phố.

- Đăng ký chuyển đi, chuyển đến, cấp giấy tạm trú có thời hạn và đính chính những thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu theo quy định của Nghị định số 51-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

- Tiếp nhận hồ sơ, xác minh, đề xuất lên công an tỉnh, thành phố những trường hợp đặc biệt khác theo quy định tại điểm 3 mục B Phần II Thông tư này đối với những người xin đến thành phố, thị xã. Trong thời hạn không quá 20 ngày, công an nơi nhận hồ sơ phải xác minh xong và báo cáo lên công an tỉnh, thành phố.

- Tổ chức lập, quản lý, sử dụng, khai thác tàng thư hồ sơ hộ khẩu; điều chỉnh kịp thời các biến động về hộ khẩu, nhân khẩu vào sổ hộ khẩu và tàng thư hộ khẩu; trả lời xác minh hộ khẩu, nhân khẩu của địa phương mình theo yêu cầu của các cấp, các ngành và các địa phương.

- Giải quyết các trường hợp khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Tập hợp tình hình số liệu nhân khẩu, hộ khẩu báo cáo lên công an cấp trên theo quy định.

c) Trưởng Công an phường, xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định về đăng ký, quản lý hộ khẩu ở địa phương:

- Lập các loại sổ và giấy chứng nhận hộ khẩu cho các hộ trong xã, thị trấn mình (trừ công an xã, thị trấn ở các thành phố trực thuộc Trung ương).

- Thực hiện việc đăng ký chuyển đi, chuyển đến, điều chỉnh những thay đổi khác theo quy định tại Thông tư này.

- Tổ chức đăng ký, quản lý tạm trú, tạm vắng và cấp giấy tạm trú có thời hạn.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân hoặc cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi phụ trách theo quy định.

- Thông báo những thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu cho tàng thư hồ sơ hộ khẩu và báo cáo thống kê số liệu, tình hình lên công an cấp trên.

- Được xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực này theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao Tổng Cục trưởng Tổng cục Cảnh sát nhân dân:

- Có kế hoạch và tổ chức triển khai Nghị định số 51-CP và Thông tư này;

- Theo dõi, hướng dẫn chi tiết địa phương triển khai thực hiện;

- Hướng dẫn thủ tục, biểu mẫu, sổ sách về đăng ký, quản lý hộ khẩu thống nhất trong toàn quốc;

- Giải quyết những trường hợp đặc biệt xin đăng ký hộ khẩu thường trú vào thành phố, thị xã và những vướng mắc khác khi các cơ quan, tổ chức hoặc địa phương đề nghị;

- Giải quyết các trường hợp khiếu nại, tố cáo của công dân gửi lên Bộ theo Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo;

- Tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm công tác này trong toàn quốc; đồng thời phối hợp với Ban, ngành có liên quan ứng dụng công nghệ tiên tiến vào cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký, quản lý hộ khẩu và xây dựng cơ sở dữ liệu công dân.

2. Các Tổng cục, Vụ, Cục, Bộ Tư lệnh, Viện, Trường thuộc Bộ Nội vụ theo chức năng của mình tổ chức triển khai quán triệt Nghị định số 51-CP và Thông tư này.

3. Giám đốc Công an các địa phương:

- Có kế hoạch cụ thể chỉ đạo các cấp, các ngành ở địa phương mình triển khai nghiêm túc Nghị định số 51-CP và Thông tư này.

- Niêm yết công khai những thủ tục, nguyên tắc, điều kiện về đăng ký, quản lý hộ khẩu tại trụ sở tiếp dân.

- Bố trí đủ cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ tiếp dân giải quyết đăng ký, quản lý hộ khẩu.

4. Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo triển khai Nghị định số 51-CP, Thông tư này theo chức năng, phạm vi của mình.

5. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 1997.

Các quy định và hướng dẫn trước đây của Bộ Nội vụ trái với Nghị định số 51-CP và Thông tư này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ
LÊ MINH HƯƠNG

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 24-TC/KBNN ngày 13-5-1997 hướng dẫn chế độ tập trung, quản lý các khoản thu ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Thi hành Nghị định số 87-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách